

Số: 92 /QĐ-HĐQL

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Bảo đảm tiền vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 42/QĐ-HĐQL ngày 17/9/2007 của Hội đồng quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Bộ Luật Dân sự năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 54/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ về bổ sung Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;

Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn tại Ngân hàng thương mại;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế Bảo đảm tiền vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) ban hành kèm theo Quyết định số 42/QĐ-HĐQL ngày 17/9/2007 của Hội đồng quản lý - NHPT như sau:

1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về bảo đảm tiền vay trong các hoạt động cấp tín dụng, cho vay lại vốn nước ngoài NHPT không chịu rủi ro tín dụng, bảo lãnh tín dụng tại NHPT.

2. Các hoạt động cấp tín dụng thuộc các chương trình, dự án đặc thù của Chính phủ như cho các cấp ngân sách vay, đầu tư ra nước ngoài, ... thực hiện bảo đảm tiền vay theo cơ chế riêng do pháp luật quy định.

Các quy định liên quan đến giao dịch bảo đảm không quy định tại Quy chế này hoặc trường hợp pháp luật Nhà nước thay đổi dẫn đến việc áp dụng Quy chế này trái với pháp luật hiện hành thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.”

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và bổ sung khoản 1a, khoản 6a và khoản 12a Điều 2 như sau:

“1. “Bảo đảm tiền vay” là việc NHPT áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi được các khoản nợ mà NHPT đã cấp tín dụng, cho vay lại vốn nước ngoài NHPT không chịu rủi ro tín dụng, bảo lãnh tín dụng cho khách hàng.”

“1a. “Cấp tín dụng” là việc NHPT cho vay vốn tín dụng đầu tư (TDDT), tín dụng xuất khẩu (TDXK), cho vay lại vốn nước ngoài NHPT chịu rủi ro tín dụng và các loại tín dụng khác của NHPT (nếu có).”

“4. “Bên nhận bảo đảm” là NHPT (Hội sở chính; Sở giao dịch; Chi nhánh NHPT khu vực, Chi nhánh NHPT tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) với tư cách là bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp, bên nhận bảo lãnh.”

“5. “Tài sản bảo đảm tiền vay” là tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản hợp pháp khác của khách hàng, của người thứ ba dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NHPT và được xử lý để thu hồi nợ khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với NHPT theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh tín dụng đã ký.”

“6. “Tài sản hình thành từ vốn vay” là tài sản thuộc sở hữu của khách hàng mà toàn bộ hoặc một phần giá trị của tài sản được tạo bởi số vốn NHPT cấp tín dụng và/hoặc số vốn NHPT cho vay lại vốn nước ngoài không chịu rủi ro tín dụng và/hoặc số vốn được NHPT bảo lãnh tín dụng cho khách hàng và vốn tự có của khách hàng.”

“6a. “Tài sản hình thành trong tương lai” gồm:

a) Tài sản đang trong giai đoạn hình thành hoặc đang được tạo lập hợp pháp tại thời điểm giao kết giao dịch bảo đảm;

b) Tài sản đã hình thành và thuộc đối tượng phải đăng ký quyền sở hữu, nhưng sau thời điểm giao kết giao dịch bảo đảm thì tài sản đó mới được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Tài sản hình thành trong tương lai không bao gồm quyền sử dụng đất.”

“12a. “Bảo lãnh tín dụng” là bảo lãnh của NHPT cho khách hàng vay vốn tại Ngân hàng thương mại (NHTM).”

3. Sửa đổi khoản 1 và khoản 3 Điều 3 như sau:

“1. Mọi khoản cấp tín dụng, cho vay lại vốn nước ngoài NHPT không chịu rủi ro tín dụng, bảo lãnh tín dụng tại NHPT đều phải có bảo đảm tiền vay; Trường hợp không có bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.”

“3. Trường hợp tài sản hình thành từ vốn vay không đủ điều kiện để làm tài sản bảo đảm tiền vay thì NHPT thực hiện quyền quản lý, theo dõi tài sản hình thành từ vốn vay theo quy định quản lý tín dụng của NHPT.”

4. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Điều 4. Biện pháp bảo đảm tiền vay

1. Biện pháp thế chấp tài sản:

- Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay;
- Thế chấp tài sản thuộc sở hữu (ngoài tài sản hình thành từ vốn vay), quyền sử dụng đất hợp pháp của khách hàng; của bên thứ ba.

2. Biện pháp cầm cố tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của khách hàng; của bên thứ ba.

3. Biện pháp bảo lãnh của bên thứ ba.”

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Đối với khách hàng:

Khách hàng có đầy đủ các điều kiện được cấp tín dụng, cho vay lại vốn nước ngoài NHPT không chịu rủi ro tín dụng, bảo lãnh tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật và của NHPT.”

6. Bổ sung điểm đ1, đ2, đ3 khoản 1 Điều 7 như sau:

“đ1) Quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên.”

“đ2) Quyền tài sản: Quyền đòi nợ, quyền thu phí, quyền kinh doanh quảng cáo, quyền tài sản đối với phần vốn góp trong doanh nghiệp.”

“đ3) Kho hàng và/hoặc hàng hóa trong kho.”

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Khách hàng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm khi được NHPT cấp tín dụng, cho vay lại vốn nước ngoài NHPT không chịu rủi ro tín dụng, bảo lãnh tín dụng.

Tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm/tổng số vốn được NHPT cấp tín dụng, cho vay lại vốn nước ngoài NHPT không chịu rủi ro tín dụng, bảo lãnh tín dụng thực hiện theo quy định tại các Quy chế tín dụng của NHPT.”

8. Sửa đổi điểm e khoản 3 Điều 13 như sau:

“e) Hợp đồng bảo đảm có hiệu lực pháp lý đối với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có thẩm quyền cho đến thời điểm xóa đăng ký theo đơn của người có yêu cầu xóa đăng ký. Thời điểm đăng ký được xác định theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Việc thay đổi một hoặc các bên tham gia giao dịch bảo đảm sẽ không làm thay đổi thời điểm giao dịch bảo đảm có giá trị pháp lý đối với người thứ ba.”

9. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 15 như sau:

“1. Trường hợp giao dịch bảo đảm phải đăng ký tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm bao gồm:

- a) Thế chấp quyền sử dụng đất;
- b) Thế chấp rừng sản xuất là rừng trồng;
- c) Cầm cố tàu, thế chấp tàu bay;
- d) Thế chấp tàu biển;
- đ) Các trường hợp khác, nếu pháp luật quy định”.

“2. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm phải được thực hiện trong thời hạn quy định của pháp luật và hoàn thành trước khi giải ngân vốn NHPT cấp tín dụng, vốn cho vay lại vốn nước ngoài NHPT không chịu rủi ro tín dụng, bảo lãnh tín dụng; trường hợp đặc biệt do Tổng giám đốc NHPT quyết định.”

10. Bổ sung khoản 3 Điều 29 như sau:

“3. Trường hợp cầm cố các loại chứng khoán thuộc đối tượng phải đăng ký, lưu ký chứng khoán thì bên cầm cố phải thực hiện đồng thời theo quy định của pháp luật về chứng khoán đối với việc đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

“1. Trường hợp bên thế chấp đầu tư vào tài sản thế chấp và dùng tài sản tăng thêm do đầu tư để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác hoặc người thứ ba đầu tư vào tài sản thế chấp và nhận thế chấp chính phần tài sản tăng thêm do đầu tư thì bên bảo đảm phải thông báo trước cho NHPT để giải quyết như sau:

a. Trường hợp phần tài sản tăng thêm có thể tách rời khỏi tài sản thế chấp mà không làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị của tài sản thế chấp so với giá trị của tài sản đó trước khi đầu tư thì NHPT có quyền tách phần tài sản mà NHPT nhận thế chấp để xử lý khi phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

b. Trường hợp phần tài sản tăng thêm do đầu tư không thể tách rời khỏi tài sản thế chấp thì bên thế chấp chỉ được dùng phần giá trị tăng thêm sau đầu tư để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ khác nếu được NHPT chấp thuận và trong trường

hợp đó, tài sản thế chấp được xử lý toàn bộ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NHPT và các bên cùng nhận bảo đảm.

Thứ tự ưu tiên thanh toán giữa NHPT và các bên cùng nhận bảo đảm được xác định theo thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm.

2. Trường hợp bên thế chấp hoặc người thứ ba đầu tư vào tài sản thế chấp (sau đây gọi là người đã đầu tư vào tài sản thế chấp), nhưng không dùng phần tài sản tăng thêm do đầu tư để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác thì giải quyết như sau:

a) Trường hợp phân tài sản tăng thêm do đầu tư có thể tách rời khỏi tài sản thế chấp mà không làm mất hoặc giảm giá trị của tài sản thế chấp thì khi xử lý tài sản bảo đảm người đã đầu tư vào tài sản thế chấp có quyền tách phần tài sản tăng thêm do đầu tư ra khỏi tài sản thế chấp, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

b) Trường hợp phân tài sản tăng thêm do đầu tư không thể tách rời khỏi tài sản thế chấp hoặc nếu tách rời sẽ làm mất hoặc giảm giá trị của tài sản thế chấp thì người đã đầu tư vào tài sản thế chấp không được tách phần tài sản tăng thêm do đầu tư ra khỏi tài sản thế chấp, nhưng khi xử lý tài sản thế chấp thì người đã đầu tư vào tài sản thế chấp được ưu tiên thanh toán phần giá trị tăng thêm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

12. Sửa đổi khoản 1 Điều 38 như sau:

“Điều 38. Trường hợp áp dụng biện pháp bảo lãnh

1. NHPT chấp thuận biện pháp bảo đảm tiền vay bằng bảo lãnh (không áp dụng đối với bảo lãnh tín dụng) trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Bảo lãnh của Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương hoặc các tổ chức tài chính thực hiện chức năng tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của nước bên nhà nhập khẩu bảo lãnh vay vốn;

c) Bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.”

13. Sửa đổi khoản 2 Điều 40 như sau:

“2. Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo đảm tiền vay, nếu bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh thì bên bảo lãnh phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình để xử lý.”

14. Bổ sung khoản 4 Điều 41 như sau:

“4. Khởi kiện bên bảo lãnh nếu bên bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, đồng thời không giao tài sản thuộc sở hữu của mình cho NHPT xử lý để bảo đảm nghĩa vụ bảo lãnh.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 42 như sau:

“3. Xử lý tài sản của bên bảo lãnh:

Trong trường hợp phải xử lý tài sản của bên bảo lãnh theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Quy chế này, thì NHPT và bên bảo lãnh thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc cầm cố, thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì tài sản cầm cố, thế chấp được xử lý theo quy định tại Quy chế này.

b) Trường hợp các bên không có thỏa thuận về việc cầm cố, thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì bên bảo lãnh phải giao tài sản thuộc sở hữu của mình cho NHPT xử lý theo yêu cầu của NHPT. Nếu bên bảo lãnh không giao tài sản thì NHPT có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

c) Tại thời điểm xử lý tài sản của bên bảo lãnh nếu bên bảo lãnh không có tài sản để xử lý hoặc số tiền thu được từ việc bán tài sản được dùng để trả nợ cho NHPT nếu không đủ thanh toán nghĩa vụ được bảo lãnh thì trong phạm vi nghĩa vụ được bảo lãnh, bên bảo lãnh phải nhận nợ đối với phần nợ còn lại và cam kết phải giao tài sản có được sau thời điểm xử lý cho NHPT để tiếp tục xử lý theo phạm vi nghĩa vụ được bảo lãnh đã giao kết.”

16. Sửa đổi khoản 1 Điều 45 như sau:

“1. Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.”

17. Sửa đổi khoản 1 Điều 46 như sau:

“1. Trước khi xử lý tài sản bảo đảm, NHPT thông báo bằng văn bản về việc xử lý tài sản bảo đảm cho bên bảo đảm và các bên cùng nhận bảo đảm khác theo địa chỉ được bên bảo đảm cung cấp hoặc đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.”

18. Sửa đổi khoản 4 Điều 48 như sau:

“4. Sau khi nhận bàn giao hoặc sau khi thu giữ tài sản bảo đảm, NHPT có trách nhiệm hoặc ủy quyền cho bên thứ ba tổ chức việc giữ, quản lý tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:

“Điều 55. NHPT nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm

NHPT có thể nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ trên cơ sở thỏa thuận với bên bảo đảm. Giá trị của tài sản bảo đảm được xác định tại thời điểm xử lý làm cơ sở để thanh toán các nghĩa vụ trả nợ của khách hàng sau khi trừ đi các chi phí khác (nếu có) và thực hiện như sau:

1. Các bên có quyền tự thỏa thuận hoặc thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá tài sản để có cơ sở xác định giá trị của tài sản bảo đảm;

2. Trong trường hợp giá trị của tài sản bảo đảm lớn hơn giá trị của nghĩa vụ được bảo đảm thì NHPT phải thanh toán số tiền chênh lệch đó cho bên bảo đảm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

3. Khi NHPT nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ phải xuất trình Hợp đồng bảo đảm chứng minh quyền được xử lý tài sản bảo đảm và kết quả xử lý tài sản bảo đảm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm.”

20. Bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 58 như sau:

“3. Trong trường hợp chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản gắn liền với đất được xử lý đồng thời với quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Các bên có quyền tự thỏa thuận hoặc thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá tài sản để có cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được thanh toán trước cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

“4. Trong trường hợp chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất không đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì khi xử lý quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng đất theo như thỏa thuận giữa người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Quyền và nghĩa vụ giữa bên thế chấp và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển giao cho người mua, người nhận chính quyền sử dụng đất.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Chánh văn phòng Hội đồng quản lý, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc NHPT chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn, TCT Nhà nước;
- Các ủy viên Hội đồng quản lý NHPT;
- Lưu: VP, PC, VPHQQL (3).

(đề b/c)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
Q.CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Dũng